

BÁO CÁO

**Công tác phòng, chống tham nhũng
6 tháng đầu năm 2019**

Tiếp nhận Công văn số 269/TTT-PCTN ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Thanh tra tỉnh V/v báo cáo công tác PCTN phục vụ kỳ họp giữa năm 2019 của HĐND tỉnh;

Sở Tài chính Ninh Thuận báo cáo kết quả với các nội dung như sau:

I. Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng:

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

- Tiếp tục duy trì thực hiện nghiêm túc sinh hoạt “Ngày pháp luật” theo tinh thần Chỉ thị số 33/2010/CT-UBND ngày 27/12/2010 của UBND tỉnh về việc Triển khai thực hiện “Ngày pháp luật” trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng:

- Tăng cường, nâng cao chất lượng, công tác thanh tra, kiểm tra, tránh chồng chéo, hình thức, những nhiễu, gây phiền hà cho đơn vị được thanh tra; Trong thanh tra, kiểm tra đặc biệt chú trọng việc công khai trong lĩnh vực tài chính, ngân sách, việc xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn, quy chế chi tiêu nội bộ của các cơ quan đơn vị trong tỉnh, các lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm có nhiều dư luận về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, kịp thời chấn chỉnh sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý và xử lý nghiêm sai phạm; kết luận thanh tra kịp thời, xử lý nghiêm sai phạm đối với các đơn vị gây thất thoát, dư luận xã hội đặc biệt quan tâm. Những vụ việc chưa đến mức xử lý hình sự thì phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật gắn với trách nhiệm của người đứng đầu nhằm ngăn chặn kịp thời tham nhũng vặt xảy ra.

- Tăng cường giám sát kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện nghiêm Quyết định số 33/QĐ-STC ngày 07/5/2018 của Giám đốc Sở Tài chính về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ cơ sở trong hoạt động của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận mà Giám đốc Sở đã ban hành; cũng như những việc cán bộ, công chức không được làm, trách nhiệm giải trình việc thực thi công vụ.

- Nghiêm túc thực hiện nghiêm theo Quy chế chi tiêu nội bộ đã ban hành.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh: Công bố, công khai số liệu quyết toán NSNN năm 2017 và dự toán NSNN năm 2019.

- Tiếp tục thẩm định kinh phí thực hiện tinh giản biên chế 06 tháng đầu năm 2019.

- Tổng hợp các báo cáo: Công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý I/2019; phân bổ dự toán các khoản được phân bổ sau theo Nghị quyết của HĐND tỉnh; nguồn dự phòng ngân sách tỉnh; công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý I/2019; tổng hợp nguồn cải cách tiền lương năm 2018 trình Bộ Tài chính thẩm định; báo cáo kinh phí thực hiện chính sách chế độ năm 2018 trình Bộ Tài chính bổ sung kinh phí.

- Thẩm định kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP; Nghị định 113/2018/NĐ-CP.

- Triển khai chủ trương của UBND tỉnh cho các ngành về xây dựng tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích chuyên dùng; tiêu chuẩn định mức máy móc thiết bị chuyên dùng; tiêu chuẩn định mức xe chuyên dùng theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản, hàng hóa cho các đơn vị; tham mưu tiếp nhận, thanh lý, điều chuyển tài sản theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện tiết kiệm tối đa các khoản chi hành chính. Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế của cơ quan.

- Thực hiện tinh giản biên chế cho 01 trường hợp theo Nghị định 113 và Nghị định 108, tiếp nhận và điều động 01 Công chức làm công tác Văn thư lưu trữ.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng:

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ: Không có.

b) Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra: Không có.

c) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không có.

d) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương: Không có.

đ) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác: Không có.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra: Sở Tài chính không có đơn vị trực thuộc nên không tiến hành thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra: Không có.

II. Đánh giá tình hình tham nhũng, công tác phòng chống tham nhũng và dự báo tình hình:

1. Đánh giá tình hình tham nhũng: Sở Tài chính không phát sinh hiện tượng tham nhũng.

2. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng: Được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo kịp thời nên không có tham nhũng phát sinh tại Sở Tài chính.

3. Dự báo tình hình tham nhũng: Không.

III. Phương hướng nhiệm vụ của công tác phòng, chống tham nhũng 06 tháng cuối năm 2019:

- Duy trì công tác giám sát kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện nghiêm Quyết định số 33/QĐ-STC ngày 07/5/2018 của Giám đốc Sở Tài chính về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ cơ sở trong hoạt động của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận mà Giám đốc Sở đã ban hành; cũng như những việc cán bộ, công chức không được làm, trách nhiệm giải trình việc thực thi công vụ.

- Nâng cao công tác cải cách hành chính, từng bước xây dựng cụ thể hóa các thủ tục hành chính theo hướng nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động; thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng, quy định cụ thể, rành mạch chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức, cá nhân, khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống trong hoạt động quản lý điều hành; nâng cao tính trách nhiệm của từng cá nhân, ngăn chặn tình trạng không xác định được trách nhiệm khi sự cố xảy ra.

- Nghiêm túc thực hiện công bố công khai kết quả xử lý trên các phương tiện thông tin đại chúng về các vụ việc tiêu cực, tham nhũng được phát hiện, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị khi xảy ra tham nhũng trong quá trình thanh tra, kiểm tra (nếu có).

- Chủ động cập nhật, rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực tài chính. Góp phần hạn chế tình trạng sai sót ở các đơn vị, nâng cao hiệu quả trong quản lý và điều hành ngân sách.

- Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện Luật PCTN năm 2018 khi có yêu cầu.

- Tổng hợp ý kiến góp ý các dự thảo Nghị quyết và Quyết định: về các Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh; quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh; quy định một số nội dung và mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước trên địa bàn tỉnh; quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động

của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh; phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh; quy định một số nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh; quy định mức phân bổ kinh phí từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông cho các lực lượng tham gia công tác đảm bảo TTATGT trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thẩm định kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP; Nghị định 113/2018/NĐ-CP.

- Tổng hợp nhu cầu, rà soát thẩm định tiêu chuẩn định mức máy móc thiết bị chuyên dùng, xe ô tô chuyên dùng để triển khai các bước theo quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Hoàn thành việc xây dựng các định mức diện tích nhà sử dụng chuyên dùng, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan hành chính sự nghiệp. Hướng dẫn việc mua sắm tập trung máy móc thiết bị văn phòng năm 2019.

Trên đây là nội dung công tác phòng chống tham nhũng 06 tháng đầu năm 2019 của Sở Tài chính./.

Nơi nhận:

- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TTr, PNHT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Trường



Biểu số 3a

KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Đính kèm theo Báo cáo số 1211 /BC-STC ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Sở Tài chính)

| MS | NỘI DUNG | ĐV TÍNH | SỐ LIỆU |
|----|---|------------|---------|
| | CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT | | |
| 1 | Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN | Văn bản | — |
| 2 | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | Văn bản | — |
| | TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN | | |
| 3 | Số lượt CB, CC, VC, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN | Lượt người | — |
| 4 | Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức | Lớp | — |
| 5 | Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản | Tài liệu | — |
| | THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG | | |
| | <i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i> | | |
| 6 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch | CQ,TC,ĐV | — |
| 7 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động | CQ,TC,ĐV | — |
| | <i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i> | | |
| 8 | Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới | Văn bản | 1 |
| 9 | Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp | Văn bản | — |
| 10 | Số cuộc thanh tra kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn | Cuộc | 1 |
| 11 | Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý | Vụ | 1 |
| 12 | Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn | Người | — |
| 13 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật | Người | — |
| 14 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự | Người | — |
| 15 | Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền) | Triệu đồng | 296,7 |
| 16 | Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường | Triệu đồng | — |
| 17 | Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị | Người | — |
| 18 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền) | Triệu đồng | — |
| | <i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i> | | |
| 19 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức | CQ,TC,ĐV | — |
| 20 | Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý | Người | — |
| 21 | Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng | Người | — |
| | <i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i> | | |
| 22 | Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập | Người | — |
| 23 | Số người bị kết luận kê khai không trung thực | Người | — |
| | <i>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</i> | | |
| 24 | Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người | — |
| 25 | Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người | — |
| 26 | Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng | Người | — |
| | <i>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</i> | | |
| 27 | Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính | CQ,TC,ĐV | 1 |
| 28 | Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc | % | 100 |
| | PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG | | |
| | <i>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</i> | | |
| 29 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ | Vụ | — |
| 30 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ | Người | — |
| | <i>Qua hoạt động thanh tra</i> | | |
| 31 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra | Vụ | — |
| 32 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra | Người | — |

| | | | |
|----|--|----------------|---|
| | Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo | | |
| 33 | Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức | Đơn | - |
| 34 | Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết | Đơn | - |
| 35 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Vụ | - |
| 36 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Người | - |
| | Qua điều tra tội phạm | | |
| 37 | Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố | Vụ | - |
| 38 | Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố | Người | - |
| | XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG | | |
| 39 | Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra (trong phạm vi quản lý trực tiếp) | Vụ | - |
| 40 | Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) | Người | - |
| 41 | Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng; | Người | - |
| 42 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng; | Người | - |
| 43 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng; | Người | - |
| 44 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng | Người | - |
| 45 | Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính | Vụ | - |
| 46 | Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng | Người | - |
| 47 | Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Vụ | - |
| 48 | Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Người | - |
| | Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được | | |
| 49 | + Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | - |
| 50 | + Đất đai | m ² | - |
| | Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường | | |
| 51 | + Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | - |
| 52 | + Đất đai | m ² | - |
| | Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được | | |
| 53 | + Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | - |
| 54 | + Đất đai | m ² | - |
| | Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng | | |
| 55 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù | Người | - |
| 56 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó | Người | - |
| | + Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ | | - |
| | + Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương | | - |
| | + Tặng Giấy khen | | - |

Ghi chú: Số liệu dòng 15 + 16: Số phát sinh giai đoạn từ 16/12/2018 – 13/5/2019 (Không tính các năm trước)